VUS Anh Văn Hội Việt Mỹ

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

BÀI TẬP THÌ QUÁ KHỨ ĐƠN VÀ QUÁ KHỨ TIẾP DIỄN (CƠ BẢN)

Mục tiêu: Nhận diện hình thức Past Simple và Past Continuous; khẳng định, phủ định, nghi vấn; động từ bất quy tắc; spelling -ed/-ing.

Nguồn tham khảo:

- **NXB Giáo dục Việt Nam:** *Tiếng Anh 10 – Global Success*, Unit 4: *For a Better Community*, phần Language – Grammar (Past Simple and Past Continuous with *when/while*).
- **British Council – LearnEnglish:** Past continuous and past simple – Tài liệu tham khảo về công thức, cách dùng và sự phối hợp giữa hai thì.

Lưu ý về tài liệu:

- Đây là **tài liệu luyện tập bổ trợ, không phải bài tập hoặc đề kiểm tra chính thức** của NXB Giáo dục Việt Nam hay Bộ GD&ĐT.
- Các câu hỏi và đáp án được biên soạn nhằm củng cố, mở rộng và vận dụng kiến thức ngữ pháp; không sao chép nguyên văn bài tập trong sách giáo khoa hoặc tài liệu tham khảo.
- Với dạng bài viết lại câu và dịch câu, đáp án mang tính tham khảo. Những cách diễn đạt khác vẫn được chấp nhận nếu đúng ngữ pháp, phù hợp ngữ cảnh và giữ nguyên ý nghĩa yêu cầu.

Mục lục

BÀI TẬP THÌ QUÁ KHỨ ĐƠN VÀ QUÁ KHỨ TIẾP DIỄN 1

(CƠ BẢN) 1

PHẦN A - BÀI TẬP 2

Bài 1. Chia động từ ở thì quá khứ đơn (20 câu) 2

Bài 2. Động từ bất quy tắc và quy tắc chính tả -ed (20 câu) 2

Bài 3. Chuyển câu quá khứ đơn sang phủ định hoặc nghi vấn (20 câu) 3

Bài 4. Điền Past Continuous đúng chủ ngữ và cách viết V-ing (20 câu) 4

Bài 5. Chuyển câu quá khứ tiếp diễn sang phủ định hoặc nghi vấn (20 câu) 5

Bài 6. Chọn dạng động từ đúng (20 câu) 5

Bài 7. Tìm và sửa đúng một lỗi về quá khứ đơn/tiếp diễn (20 câu) 7

Bài 8. Dịch câu ngắn sang tiếng Anh (20 câu) 7

PHẦN B - ĐÁP ÁN VÀ GIẢI THÍCH 9

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

PHẦN A - BÀI TẬP

Bài 1. Chia động từ ở thì quá khứ đơn (20 câu)

Điền dạng quá khứ đơn của động từ trong ngoặc. Các hành động đều đã hoàn tất tại thời điểm xác định trong quá khứ.

1. Last Sunday, our class ___ (visit) a science museum.
2. Two weeks ago, Mai ___ (organise) a book donation.
3. My parents ___ (buy) a new washing machine last month.
4. We ___ (go) to the community centre yesterday.
5. The volunteers ___ (collect) rubbish after the festival.
6. I ___ (write) a thank-you letter last night.
7. They ___ (meet) their new English teacher on Monday.
8. The school band ___ (play) three songs at the concert.
9. The children ___ (plant) five trees last Saturday.
10. My brother ___ (take) the train to Hue yesterday.
11. Dad ___ (make) breakfast early this morning.
12. The art exhibition ___ (begin) at nine yesterday.
13. Our team ___ (finish) the project last Friday.
14. I ___ (see) an interesting documentary yesterday.
15. Lan ___ (send) the photos to her cousin last weekend.
16. We ___ (have) a picnic beside the lake last Sunday.
17. The strong wind ___ (break) a branch last night.
18. The class ___ (choose) a new monitor last term.
19. She ___ (read) the notice before yesterday's meeting.
20. The bus ___ (stop) near the market ten minutes ago.

Bài 2. Động từ bất quy tắc và quy tắc chính tả -ed (20 câu)

Viết dạng quá khứ đơn cho các động từ trong ngữ cảnh. Đáp án gồm cả từ có quy tắc và bất quy tắc.

21. Last night, the students ___ (study) for the history test.
22. My aunt ___ (teach) me how to make paper flowers yesterday.
23. The workers ___ (build) a small bridge last year.
24. The goalkeeper ___ (catch) the ball in the final minute.

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

25. They ___ (leave) the stadium at 6 p.m. yesterday.
26. The child ___ (draw) a picture of her family last evening.
27. I ___ (find) my keys under the sofa this morning.
28. We ___ (eat) lunch at the school canteen yesterday.
29. A mechanic ___ (repair) our bicycles last weekend.
30. Our team ___ (win) the debate competition last year.
31. My cousins ___ (swim) in the pool yesterday afternoon.
32. She ___ (practise) the violin for an hour last night.
33. The guide ___ (tell) us about the old temple yesterday.
34. I ___ (forget) to bring my umbrella yesterday.
35. Dad ___ (drive) us to the station last Saturday.
36. The librarian ___ (check) our cards yesterday.
37. We ___ (hear) a strange noise during the storm last night.
38. Local families ___ (donate) warm clothes last winter.
39. Minh ___ (ride) his bicycle to school yesterday.
40. The shopkeeper ___ (carry) the boxes inside yesterday morning.

Bài 3. Chuyển câu quá khứ đơn sang phủ định hoặc nghi vấn (20 câu)

Viết lại đúng theo yêu cầu trong ngoặc, giữ nguyên thời gian và nội dung còn lại.

41. Lan visited her aunt yesterday. (Phủ định)
42. The students joined the art club last year. (Nghi vấn Yes/No)
43. He bought a notebook on Monday. (Nghi vấn Yes/No)
44. We watched a documentary last night. (Phủ định)
45. My dad repaired the bike yesterday. (Phủ định)
46. She wrote a letter last night. (Nghi vấn Yes/No)
47. They cleaned the school hall on Friday. (Phủ định)
48. He took the bus yesterday. (Nghi vấn Yes/No)
49. I went to the concert last weekend. (Phủ định)
50. My sister found her phone yesterday. (Nghi vấn Yes/No)
51. They built a playground last summer. (Phủ định)
52. My brother forgot his homework yesterday. (Nghi vấn Yes/No)
53. We chose a new class monitor last month. (Phủ định)

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

54. The girls made a poster on Tuesday. (Nghi vấn Yes/No)

55. Tom lost his wallet yesterday morning. (Phủ định)

56. The visitors arrived before noon. (Nghi vấn Yes/No)

57. I sent an email yesterday. (Phủ định)

58. Hoa finished her homework at seven last night. (Nghi vấn Yes/No)

59. They planted vegetables last spring. (Phủ định)

60. Our teacher gave us a quiz on Friday. (Nghi vấn Yes/No)

Bài 4. Điền Past Continuous đúng chủ ngữ và cách viết V-ing (20 câu)

Chia động từ trong ngoặc ở thì quá khứ tiếp diễn; các cụm "at that moment/at ... last night" xác định hành động đang diễn ra.

61. At 8 p.m. last night, I ___ (read) a short story.

62. At that moment, she ___ (draw) a map of Viet Nam.

63. At 4 p.m. yesterday, the boys ___ (play) basketball.

64. At seven yesterday evening, we ___ (prepare) dinner.

65. At 9 p.m. last night, Hoa ___ (do) her homework.

66. At 6 p.m. yesterday, my parents ___ (watch) the news.

67. At that exact moment, the reporter ___ (write) an article.

68. At noon yesterday, the volunteers ___ (clean) the beach.

69. At 5 p.m. yesterday, Minh ___ (ride) his bicycle home.

70. At that moment, two mechanics ___ (repair) the engine.

71. At 10 p.m. last night, Dad ___ (listen) to the radio.

72. At 7 a.m. yesterday, my sister ___ (wash) the dishes.

73. At that moment, some tourists ___ (take) photos.

74. At 3 p.m. yesterday, the pupils ___ (study) in the library.

75. At sunset yesterday, Grandad ___ (water) the garden.

76. At 5 p.m. yesterday, the singers ___ (practise) for the show.

77. At 6:30 last night, my mother ___ (cook) soup.

78. At that moment, the workers ___ (paint) the fence.

79. At midnight last night, the baby ___ (sleep).

80. At 8 a.m. yesterday, the choir ___ (sing) in the hall.

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

Bài 5. Chuyển câu quá khứ tiếp diễn sang phủ định hoặc nghi vấn (20 câu)

Viết lại theo yêu cầu; không thay đổi cụm từ chỉ thời gian.

81. They were playing tennis at 5 p.m. (Phủ định)

82. I was reading at 9 p.m. (Nghi vấn Yes/No)

83. Lan was cooking at 6 p.m. (Phủ định)

84. The boys were swimming at 4 p.m. (Nghi vấn Yes/No)

85. Mai and Hoa were studying at 8 p.m. (Phủ định)

86. My sister was drawing at that moment. (Nghi vấn Yes/No)

87. We were waiting outside at noon. (Phủ định)

88. The teacher was explaining the rule. (Nghi vấn Yes/No)

89. My friends were preparing lunch. (Phủ định)

90. The workers were painting the walls. (Nghi vấn Yes/No)

91. He was carrying a heavy box. (Phủ định)

92. The children were singing a song. (Nghi vấn Yes/No)

93. You were taking notes at 10 a.m. (Phủ định)

94. The dog was sleeping under the table. (Nghi vấn Yes/No)

95. The students were making posters. (Phủ định)

96. Mr Long was teaching a class at eleven. (Nghi vấn Yes/No)

97. The girls were dancing on stage. (Phủ định)

98. Your brother was driving at that time. (Nghi vấn Yes/No)

99. We were discussing our project. (Phủ định)

100. The bus was moving slowly at that moment. (Nghi vấn Yes/No)

Bài 6. Chọn dạng động từ đúng (20 câu)

Khoanh phương án đúng về hình thức và sự hòa hợp chủ ngữ. Mỗi câu có một phương án đúng về mặt ngữ pháp.

101. Yesterday, she ___ to school.
A. walked B. walkt C. was walked D. did walked

102. At 8 p.m. yesterday, we ___ dinner.
A. was having B. were having C. were have D. having

103. The teacher ___ us a story last Monday.
A. telled B. told C. did told D. were told

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

104. I ___ my phone last night.
A. did not finded B. did not found C. did not find D. not found

105. ___ he at home yesterday afternoon?
A. Did was B. Was C. Were D. Did been

106. When I saw them, the pupils ___ for their exam.
A. were studying B. was studying C. were study D. studying

107. ___ the dancers performing at 7 p.m.?
A. Was B. Did were C. Were D. Did

108. She ___ a postcard to her friend yesterday.
A. writed B. wrote C. was wrote D. did wrote

109. The children ___ at 10 p.m. last night.
A. was sleeping B. were sleep C. were sleeping D. did sleeping

110. What time ___ the show start yesterday?
A. did B. was C. were D. do

111. We ___ any tickets for the concert last weekend.
A. did not buy B. did not bought C. were not buy D. not buy

112. Mai ___ the violin when I entered the music room.
A. was practising B. were practising C. was practise D. practising

113. They ___ the match last Sunday.
A. winned B. win C. won D. did won

114. The rain ___ hard at that moment.
A. were falling B. was falling C. was fall D. falling

115. I ___ my homework before dinner yesterday.
A. finished B. finishd C. did finished D. was finished

116. My classmates ___ a project at 3 p.m. yesterday.
A. was doing B. were doing C. were do D. doing

117. ___ you see Lan at the book fair on Saturday?
A. Were B. Was C. Did D. Do did

118. The baby ___ in its cot when we checked.
A. were sleeping B. was sleeping C. was slept D. were sleep

119. He ___ his bicycle last week.
A. repairied B. repaired C. did repaired D. was repaired

120. The volunteers ___ the supplies at that moment.
A. was sorting B. were sorting C. were sort D. were sorted

Bài 7. Tìm và sửa đúng một lỗi về quá khứ đơn/tiếp diễn (20 câu)

Mỗi câu chỉ có một lỗi; viết lại từ hoặc cụm từ sai và nêu dạng đúng.

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

121. Yesterday, I go to the science museum.

122. She didn't visited her aunt last Sunday.

123. Did you bought a new book yesterday?

124. They was playing football at 5 p.m.

125. I were doing my homework at that moment.

126. He was cook dinner at 7 p.m.

127. We wasn't watching the match then.

128. Was they waiting for the bus?

129. My mother make a cake last night.

130. The children were run in the park at 4 p.m.

131. Did Lan went to school yesterday?

132. My friends was working on a project at 3 p.m.

133. I didn't saw the accident.

134. The boy was swim in the pool at 5.

135. She were reading a novel when I arrived.

136. They did not took the train last Friday.

137. Were your sister sleeping at 9 p.m.?

138. He was writting an email at 8 p.m.

139. The bus stoped at the corner yesterday.

140. We were planing a school trip at that time.

Bài 8. Dịch câu ngắn sang tiếng Anh (20 câu)

Dịch theo thì yêu cầu; đối chiếu đáp án mẫu. Những cách diễn đạt tương đương vẫn được chấp nhận.

141. Hôm qua tôi đã giúp mẹ nấu bữa tối. (Past Simple)

142. Lúc 8 giờ tối qua, tôi đang làm bài tập. (Past Continuous)

143. Họ đã không đến thư viện vào thứ Hai. (Past Simple)

144. Lúc đó, chúng tôi đang trồng cây. (Past Continuous)

145. Bạn đã xem bộ phim đó hôm qua à? (Past Simple)

146. Khi tôi nhìn vào phòng, cô ấy đang đọc sách. (Past Continuous)

147. Gia đình tôi đã đi Đà Lạt vào hè năm ngoái. (Past Simple)

148. Các em nhỏ đang chơi trong sân lúc 5 giờ chiều hôm qua. (Past Continuous)

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

149. Tôi không mua chiếc áo đó tuần trước. (Past Simple)
150. Lúc ấy, bố tôi đang sửa xe đạp. (Past Continuous)
151. Cô giáo đã giải thích bài hôm qua. (Past Simple)
152. Vào lúc 7 giờ sáng hôm qua, cô ấy đang chờ xe buýt. (Past Continuous)
153. Hôm qua họ đã gửi email cho câu lạc bộ. (Past Simple)
154. Khi tôi bước vào, các bạn đang luyện tập hát. (Past Continuous)
155. Chúng tôi không nghe thấy tiếng động đêm qua. (Past Simple)
156. Lúc 6 giờ chiều qua, mẹ đang chuẩn bị bữa tối. (Past Continuous)
157. Anh trai tôi đã làm rơi điện thoại hôm qua. (Past Simple)
158. Họ có đang chờ bạn lúc đó không? (Past Continuous)
159. Lan đã hoàn thành dự án vào thứ Sáu tuần trước. (Past Simple)
160. Tối qua lúc 9 giờ, ông tôi đang nghe đài. (Past Continuous)

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

PHẦN B - ĐÁP ÁN VÀ GIẢI THÍCH

Đáp án cho câu dịch và viết lại là phương án tham khảo. Với câu chia động từ, thứ tự đáp án tương ứng các chỗ trống từ trái sang phải.

Bài 1. Chia động từ ở thì quá khứ đơn (20 câu) | Câu 1–20

Câu	Đáp án
1	visited
2	organised
3	bought
4	went
5	collected
6	wrote
7	met
8	played
9	planted
10	took
11	made
12	began
13	finished
14	saw
15	sent
16	had
17	broke
18	chose
19	read
20	stopped

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

Ghi nhớ: Past Simple: hành động đã hoàn tất; chú ý dạng V2 của động từ.

Bài 2. Động từ bất quy tắc và quy tắc chính tả -ed (20 câu) | Câu 21–40

Câu	Đáp án
21	studied
22	taught
23	built
24	caught
25	left
26	drew
27	found
28	ate
29	repaired
30	won
31	swam
32	practised
33	told
34	forgot
35	drove
36	checked
37	heard
38	donated
39	rode
40	carried

Ghi nhớ: Chia V2; với động từ quy tắc, áp dụng đúng -ed/-d/-ied hoặc gấp đôi phụ âm.

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

Bài 3. Chuyển câu quá khứ đơn sang phủ định hoặc nghi vấn (20 câu) | Câu 41–60

Câu	Đáp án
41	Lan did not visit her aunt yesterday.
42	Did the students join the art club last year?
43	Did he buy a notebook on Monday?
44	We did not watch a documentary last night.
45	My dad did not repair the bike yesterday.
46	Did she write a letter last night?
47	They did not clean the school hall on Friday.
48	Did he take the bus yesterday?
49	I did not go to the concert last weekend.
50	Did my sister find her phone yesterday?
51	They did not build a playground last summer.
52	Did my brother forget his homework yesterday?
53	We did not choose a new class monitor last month.
54	Did the girls make a poster on Tuesday?
55	Tom did not lose his wallet yesterday morning.
56	Did the visitors arrive before noon?
57	I did not send an email yesterday.
58	Did Hoa finish her homework at seven last night?
59	They did not plant vegetables last spring.
60	Did our teacher give us a quiz on Friday?

Ghi nhớ: Phủ định: did not + V1. Nghi vấn: Did + S + V1?

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

Bài 4. Điền Past Continuous đúng chủ ngữ và cách viết V-ing (20 câu) | Câu 61–80

Câu	Đáp án
61	was reading
62	was drawing
63	were playing
64	were preparing
65	was doing
66	were watching
67	was writing
68	were cleaning
69	was riding
70	were repairing
71	was listening
72	was washing
73	were taking
74	were studying
75	was watering
76	were practising
77	was cooking
78	were painting
79	was sleeping
80	was singing

Ghi nhớ: Past Continuous = was/were + V-ing; chú ý chủ ngữ và chính tả.

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

Bài 5. Chuyển câu quá khứ tiếp diễn sang phủ định hoặc nghi vấn (20 câu) | Câu 81–100

Câu	Đáp án
81	They were not playing tennis at 5 p.m.
82	Was I reading at 9 p.m.?
83	Lan was not cooking at 6 p.m.
84	Were the boys swimming at 4 p.m.?
85	Mai and Hoa were not studying at 8 p.m.
86	Was my sister drawing at that moment?
87	We were not waiting outside at noon.
88	Was the teacher explaining the rule?
89	My friends were not preparing lunch.
90	Were the workers painting the walls?
91	He was not carrying a heavy box.
92	Were the children singing a song?
93	You were not taking notes at 10 a.m.
94	Was the dog sleeping under the table?
95	The students were not making posters.
96	Was Mr Long teaching a class at eleven?
97	The girls were not dancing on stage.
98	Was your brother driving at that time?
99	We were not discussing our project.
100	Was the bus moving slowly at that moment?

Ghi nhớ: Phủ định: was/were not + V-ing; nghi vấn: Was/Were + S + V-ing?

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

Bài 6. Chọn dạng động từ đúng (20 câu) | Câu 101–120

Câu	Đáp án
101	A. walked
102	B. were having
103	B. told
104	C. did not find
105	B. Was
106	A. were studying
107	C. Were
108	B. wrote
109	C. were sleeping
110	A. did
111	A. did not buy
112	A. was practising
113	C. won
114	B. was falling
115	A. finished
116	B. were doing
117	C. Did
118	B. was sleeping
119	B. repaired
120	B. were sorting

Ghi nhớ: Chỉ phương án đã chọn có hình thức đúng (V2/did + V1/was-were + V-ing).

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

Bài 7. Tìm và sửa đúng một lỗi về quá khứ đơn/tiếp diễn (20 câu) | Câu 121–140

Câu	Đáp án
121	go → went
122	visited → visit
123	bought → buy
124	was → were
125	were → was
126	cook → cooking
127	wasn't → weren't
128	Was → Were
129	make → made
130	run → running
131	went → go
132	was → were
133	saw → see
134	swim → swimming
135	were → was
136	took → take
137	Were → Was
138	writting → writing
139	stoped → stopped
140	planing → planning

Ghi nhớ: Sửa một lỗi: did + V1, hòa hợp was/were, hoặc quy tắc chính tả V2/V-ing.

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

Bài 8. Dịch câu ngắn sang tiếng Anh (20 câu) | Câu 141–160

Câu	Đáp án
141	I helped my mother cook dinner yesterday.
142	I was doing my homework at 8 p.m. last night.
143	They did not go to the library on Monday.
144	We were planting trees at that moment.
145	Did you watch that film yesterday?
146	She was reading a book when I looked into the room.
147	My family visited Da Lat last summer.
148	The children were playing in the yard at 5 p.m. yesterday.
149	I did not buy that shirt last week.
150	My father was repairing a bicycle at that time.
151	The teacher explained the lesson yesterday.
152	She was waiting for the bus at 7 a.m. yesterday.
153	They sent an email to the club yesterday.
154	The students were practising singing when I came in.
155	We did not hear the noise last night.
156	My mother was preparing dinner at 6 p.m. yesterday.
157	My older brother dropped his phone yesterday.
158	Were they waiting for you at that moment?
159	Lan finished the project last Friday.
160	My grandfather was listening to the radio at 9 p.m. last night.

Ghi nhớ: Đáp án tham khảo; chú ý đúng thì, trật tự từ, giới từ và ngữ cảnh.

Lưu ý: Với câu viết lại hoặc dịch, những cách diễn đạt tương đương vẫn được chấp nhận nếu đúng thì, đúng quan hệ thời gian và không thay đổi nghĩa.